

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẠC 2 DÀNH CHO SINH VIÊN
MÔN THI: TIẾNG ANH
Đợt thi ngày 13 tháng 11 năm 2021

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
										NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
1	01	TA01	Lê Xuân Tú	Anh	20/07/1999	Thanh Hóa	Nam	D-QLDD7A	17DQLDD0459	17	48	6	71	A2
2	01	TA02	Phạm Viết	Ánh	20/07/1997	Nam Định	Nam	D-THUY6A	16DTY0392	10	52	8	70	A2
3	01	TA03	Bàn Văn	Chiến	12/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0132	19	53	5	77	A2
4	01	TA04	Nguyễn Văn	Cừ	19/08/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0459	19	52	4	75	A2
5	01	TA05	Giáp Kiên	Cường	25/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0525	10	13	4	27	Không đạt
6	01	TA06	Nguyễn Văn	Dũng	28/03/1996	Lạng Sơn	Nam	D-THUY4C	14DTY0227	-	-	-	-	Thi đợt sau
7	01	TA07	Đặng Tiến	Dũng	20/02/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0372	-	-	-	-	Thi đợt sau
8	01	TA08	Nguyễn Mạnh	Dương	08/12/1997	Hải Dương	Nam	D-THUY5B	15DTY0336	16	50	8	74	A2
9	01	TA09	Nguyễn Trường	Giang	17/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0528	13	49	8	70	A2
10	01	TA10	Vũ Hải	Hà	21/10/1998	Lạng Sơn	Nam	D-QLTN8A	18DQLDD0473	8	32	3	43	Không đạt
11	01	TA11	Nguyễn Ngọc	Hải	05/08/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0363	-	-	-	-	Thi đợt sau
12	01	TA12	Ngô Văn	Hiệp	05/03/1995	Bắc Giang	Nam	D-QLTN4A	14DQLTN0180	-	-	-	-	Thi đợt sau
13	01	TA13	Phạm Việt	Hoàng	18/07/1999	Hà Nam	Nam	D-THUY7A	17DTY0538	14	44	12	70	A2
14	01	TA14	Trần Việt	Hoàng	24/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0380	18	50	13	81	A2

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
15	01	TA15	Nguyễn Thị Huệ	13/12/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0411	20	57	12	89	A2
16	01	TA16	Lê Văn Khanh	16/09/1999	Bắc Ninh	Nam	D-THUY7A	17DTY0542	16	48	12	76	A2
17	01	TA17	Diêm Công Kiên	03/01/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTP7A	17DCNTP0150	14	45	11	70	A2
18	01	TA18	Nguyễn Thị Thùy Linh	18/04/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0415	19	53	14	86	A2
19	02	TA19	Hoàng Thị Thùy Linh	13/12/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6B	16DTY0477	16	47	10	73	A2
20	02	TA20	Nguyễn Trọng Linh	16/09/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6B	16DTY0478	17	44	9	70	A2
21	02	TA21	Chu Đức Mạnh	29/06/1998	Lạng Sơn	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0375	14	45	11	70	A2
22	02	TA22	Nguyễn Trí Minh	11/06/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0573	18	41	11	70	A2
23	02	TA23	Nguyễn Tuấn Minh	08/03/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN 8A	18DQLTN0376	20	39	11	70	A2
24	02	TA24	Vũ Phương Nam	06/08/1999	Hưng Yên	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0135	19	53	5	77	A2
25	02	TA25	Nguyễn Xuân Nguyên	11/10/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0249	17	51	13	81	A2
26	02	TA26	Lê Công Sơn	09/01/1999	Thanh Hóa	Nam	D-THUY 7A	17DTY0554	15	37	10	62	Không đạt
27	02	TA27	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0422	17	49	13	79	A2
28	02	TA28	Nguyễn Minh Tú	22/10/1993	Hà Nội	Nam	D-QLDD4B	14DQLDD0398	20	37	13	70	A2
29	02	TA29	Dương Văn Tự	10/08/2000	Bắc Giang	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0137	19	43	8	70	A2
30	02	TA30	Phan Văn Tuấn	12/12/2000	Bắc Giang	Nam	C-THUY19A	18CTY0121	16	48	9	73	A2
31	02	TA31	Nguyễn Anh Tuấn	06/10/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0319	20	51	7	78	A2
32	02	TA32	Bùi Minh Tuấn	03/01/2000	Lạng Sơn	Nam	D-QLTN 8A	18DQLTN0379	-	-	-	-	Thi đợt sau

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
33	02	TA33	Nguyễn Văn Tuyền	06/12/2000	Bắc Giang	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0138	19	51	9	79	A2
34	02	TA34	Thân Văn Vinh	15/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLĐĐ7A	17DQLDD0468	-	-	-	-	Thi đợt sau

Số thí sinh theo danh sách: 34

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 6

Số thí sinh dự thi: 28

Kết quả thi:

Số thí sinh không đạt: 3

Số thí sinh đạt chứng nhận Tiếng Anh bậc 2: 25

Bắc Giang, ngày 23 tháng 11 năm 2021

Thư ký Hội đồng thi

Chủ tịch Hội đồng thi

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Phương Huyền

TS. Mai Thị Huyền